

CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Mã chứng khoán: TPS
- Địa chỉ 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02822338686

2. Email: [stp@benbaivantaisaigon.com.vn](mailto:stp@benbaivantaisaigon.com.vn)

3. Website: <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

4. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 01/3/2023 tại đường dẫn: <http://benbaivantaisaigon.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2022;
- Văn bản giải trình LNST TNDN thay đổi từ 10% trở lên.



**Trần Hiếu**



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers



# CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND  
(Năm mươi tỷ đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần  
Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần  
Mã chứng khoán: TPS  
Sàn giao dịch: UPCoM

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 161 333
- Fax : (84-28) 37 160 891

Công ty có các chi nhánh như sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải.

## 2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch	19/05/2021
Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên	19/05/2021
Ông Trần Hiếu	Thành viên/ Tổng Giám đốc	19/05/2021
Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên	19/05/2021
Bà Phan Thị Trang	Thành viên	19/05/2021

**Ban kiểm soát**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng ban	19/05/2021
Ông Võ Văn Đức	Thành viên	19/05/2021
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên	19/05/2021

**Ban Giám đốc**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**NGÔ QUANG TRUNG**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023





Số: 204/2023/BCKT-HCM.00348

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**NGUYỄN NGỌC THUY DUNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2019-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

**NGUYỄN THỊ THÙY TRANG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4128-2022-009-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.376.747.577</b>	<b>43.473.622.147</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>23.171.162.087</b>	<b>22.157.569.742</b>
Tiền	111		3.471.162.087	457.569.742
Các khoản tương đương tiền	112		19.700.000.000	21.700.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.000.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	17.000.000.000	16.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.038.027.057</b>	<b>4.758.372.113</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.318.149.354	4.027.320.743
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	204.670.652	338.503.200
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	515.207.051	392.548.170
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.167.558.433</b>	<b>57.680.292</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	1.129.129.530	57.680.292
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	38.428.903	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.664.225.460</b>	<b>46.280.407.299</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.452.000.888</b>	<b>14.875.065.322</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	34.059.481.780	8.359.466.717
Nguyên giá	222		61.807.635.168	33.807.317.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.748.153.388)	(25.447.850.810)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.392.519.108	6.515.598.605
Nguyên giá	228		10.108.691.758	9.968.691.758
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.716.172.650)	(3.453.093.153)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.989.900.947</b>	<b>29.844.317.606</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	4.989.900.947	29.844.317.606
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.222.323.625</b>	<b>1.561.024.371</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	1.222.323.625	1.561.024.371
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>91.040.973.037</b>	<b>89.754.029.446</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.793.016.348</b>	<b>17.061.840.572</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.793.016.348</b>	<b>17.061.840.572</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	484.978.746	5.287.904.227
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.456.396	3.963.300
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.854.438.282	1.529.669.144
Phải trả người lao động	314		4.710.061.766	2.609.058.677
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		30.000.000	43.774.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.138.419.511	2.089.369.619
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	4.563.661.647	5.498.101.605
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.247.956.689</b>	<b>72.692.188.874</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>77.247.956.689</b>	<b>72.692.188.874</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.180.000)	(127.180.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.298.540.227	8.870.593.143
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.076.596.462	13.948.775.731
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.127.584.647	5.389.834.060
LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.949.011.815	8.558.941.671
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>91.040.973.037</b>	<b>89.754.029.446</b>



**NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN**  
Người lập biểu



**BÙI THANH TÂM**  
Kế toán trưởng





**TRẦN HIẾU**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023


CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>42.795.043.274</b>	<b>27.333.261.008</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>42.795.043.274</b>	<b>27.333.261.008</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>20.334.574.444</b>	<b>13.770.149.620</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>22.460.468.830</b>	<b>13.563.111.388</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.404.615.543	1.552.848.889
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	7.554.469.985	4.622.520.042
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.310.614.388</b>	<b>10.493.440.235</b>
Thu nhập khác	31	6.5	44.066.251	25.729.268
Chi phí khác	32	6.6	60.468.896	509.674.537
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(16.402.645)</b>	<b>(483.945.269)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.294.211.743</b>	<b>10.009.494.966</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	3.345.199.928	1.450.553.295
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.949.011.815</b>	<b>8.558.941.671</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	1.852	1.233

  
NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN  
Người lập biểu

  
BÙI THANH TÂM  
Kế toán trưởng



  
TRẦN HIẾU

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN


720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>16.294.211.743</b>	<b>10.009.494.966</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.7; 5.8	2.563.382.075	1.289.092.964
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3	(1.404.615.543)	(1.552.848.889)
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17.452.978.275</b>	<b>9.745.739.041</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.843.003.937	(2.417.924.103)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(3.075.594.957)	(394.185.881)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(732.748.492)	(478.098.728)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(2.839.727.947)	(1.101.948.047)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.13	7.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	5.13	(3.334.683.958)	(4.608.462.771)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.320.226.858</b>	<b>745.119.511</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.087.106.800)	(5.655.726.036)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		7.500.000.000	9.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.281.956.662	1.668.998.938
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.305.150.138)</b>	<b>(486.727.098)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.001.484.375)	(12.998.515.625)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.001.484.375)</b>	<b>(12.998.515.625)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>1.013.592.345</b>	<b>(12.740.123.212)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>22.157.569.742</b>	<b>34.897.692.954</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>23.171.162.087</b>	<b>22.157.569.742</b>

  
NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN  
Người lập biểu

  
BÙI THANH TÂM  
Kế toán trưởng

  
TRẦN HIẾU  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND  
(Năm mươi tỷ đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần  
Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần  
Mã chứng khoán: TPS  
Sàn giao dịch: UPCoM

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 91 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 72 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

### 4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

#### *Chi phí trả trước ngắn hạn*

Chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa và chi phí khác đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### *Chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí sửa chữa, cải tạo; chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

### 4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

#### **Chi phí giải tỏa mặt bằng**

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

#### **Phần mềm kế toán**

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.11 **Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 4.12 **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.13 **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.14 **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.16 Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tại quỹ – VND	565.067.507	123.249.447
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	2.906.094.580	334.320.295
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	19.700.000.000	21.700.000.000
	<b>23.171.162.087</b>	<b>22.157.569.742</b>

##### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND		
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	5.000.000.000	6.500.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3	12.000.000.000	9.000.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hiệp Phước	-	1.000.000.000
	<b>17.000.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>

##### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	-	112.998.507
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	35.149.490	20.824.087
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia	1.490.642.718	1.774.188.415
Công ty cổ phần Xe khách Phương Trang Futabuslines	288.188.136	131.325.865
Các khách hàng khác	504.169.010	1.987.983.869
	<b>2.318.149.354</b>	<b>4.027.320.743</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục và Môi trường Lựa Chọn Thông Minh	191.882.400	191.882.400
Các nhà cung cấp khác	12.788.252	146.620.800
	<b>204.670.652</b>	<b>338.503.200</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	398.860.255	-	276.201.374	-
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	-	116.346.796	-
	<b>515.207.051</b>	<b>-</b>	<b>392.548.170</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	380.119.448	53.177.345
Chi phí sửa chữa	642.245.912	4.502.947
Chi phí khác	106.764.170	-
	<b>1.129.129.530</b>	<b>57.680.292</b>

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.028.579.067	1.396.574.378
Chi phí công cụ, dụng cụ	193.744.558	164.449.993
	<b>1.222.323.625</b>	<b>1.561.024.371</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2022	28.690.764.204	518.458.150	1.052.181.821	2.469.403.022	1.076.510.330	33.807.317.527
Tăng từ mua sắm	46.608.593	275.953.000	-	40.090.909	-	362.652.502
Tăng từ xây dựng cơ bản	27.637.665.139	-	-	-	-	27.637.665.139
Tại ngày 31/12/2022	<b>56.375.037.936</b>	<b>794.411.150</b>	<b>1.052.181.821</b>	<b>2.509.493.931</b>	<b>1.076.510.330</b>	<b>61.807.635.168</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2022	22.845.844.437	518.458.150	1.052.181.821	473.033.504	558.332.898	25.447.850.810
Khấu hao trong năm	1.826.903.056	47.524.395	-	237.838.219	188.036.908	2.300.302.578
Tại ngày 31/12/2022	<b>24.672.747.493</b>	<b>565.982.545</b>	<b>1.052.181.821</b>	<b>710.871.723</b>	<b>746.369.806</b>	<b>27.748.153.388</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2022	5.844.919.767	-	-	1.996.369.518	518.177.432	8.359.466.717
Tại ngày 31/12/2022	<b>31.702.290.443</b>	<b>228.428.605</b>	-	<b>1.798.622.208</b>	<b>330.140.524</b>	<b>34.059.481.780</b>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2022	19.858.978.835	518.458.150	1.052.181.821	239.743.818	136.325.894	<b>21.805.688.518</b>
Tại ngày 31/12/2022	22.395.692.621	518.458.150	1.052.181.821	239.743.818	201.972.694	<b>24.408.049.104</b>

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2022	9.440.419.030	528.272.728	9.968.691.758
Tăng trong năm	-	140.000.000	140.000.000
Tại ngày 31/12/2022	<b>9.440.419.030</b>	<b>668.272.728</b>	<b>10.108.691.758</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2022	3.231.461.945	221.631.208	3.453.093.153
Khấu hao trong năm	209.787.084	53.292.413	263.079.497
Tại ngày 31/12/2022	<b>3.441.249.029</b>	<b>274.923.621</b>	<b>3.716.172.650</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2022	6.208.957.085	306.641.520	6.515.598.605
Tại ngày 31/12/2022	<b>5.999.170.001</b>	<b>393.349.107</b>	<b>6.392.519.108</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2022	Phát sinh tăng	Kết chuyển sang TSCĐ	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Dự án cải tạo nâng cấp Bến xe An Sương	2.962.186.981	-	-	2.962.186.981
Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) (*)	26.222.097.489	1.415.567.650	(27.637.665.139)	-
Nhà ga hành khách Bến xe Ngã Tư Ga	620.382.591	216.000.000	-	836.382.591
Mở dải phân cách trên Quốc lộ 1A trước cổng ra Bến xe Ngã Tư Ga	-	1.117.847.497	-	1.117.847.497
Dự án khác	39.650.545	33.833.333	-	73.483.878
	<b>29.844.317.606</b>	<b>2.783.248.480</b>	<b>(27.637.665.139)</b>	<b>4.989.900.947</b>

(\*) Chi tiết dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương” (giai đoạn 1): Xem Thuyết minh 9.3.

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông Cường Lộc	191.158.887	191.158.887	-	-
Công ty Điện lực Hóc Môn	69.850.970	69.850.970	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ Bảo An	61.258.680	61.258.680	-	-
Các nhà cung cấp khác	162.710.209	162.710.209	5.287.904.227	5.287.904.227
	<b>484.978.746</b>	<b>484.978.746</b>	<b>5.287.904.227</b>	<b>5.287.904.227</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phát sinh trong năm		31/12/2022
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	665.429.262	2.846.631.746	(2.785.799.903)	- 726.261.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	587.444.983	3.345.199.928	(2.839.727.947)	- 1.092.916.964
Thuế thu nhập cá nhân	7.584.000	289.634.766	(261.958.553)	- 35.260.213
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	269.210.899	369.507.890	(639.247.989)	529.200 -
Các khoản phải nộp khác	-	29.316.888	(67.216.591)	37.899.703 -
<b>Cộng</b>	<b>1.529.669.144</b>	<b>6.880.291.218</b>	<b>(6.593.950.983)</b>	<b>38.428.903 1.854.438.282</b>

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất cho dịch vụ tiêu thụ trong nước là 8% - 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ước tính như sau:

	2022 VND	2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.294.211.743	10.009.494.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	431.787.896	351.600.000
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>16.725.999.639</b>	<b>10.361.094.966</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	<b>3.345.199.928</b>	<b>2.072.218.993</b>
Thuế TNDN được giảm	-	(621.665.698)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.345.199.928</b>	<b>1.450.553.295</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
• Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	78.096.000	78.096.000
• Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	5.600.000	64.720.000
<b><i>Phải trả các đối tượng khác khác</i></b>		
Cổ tức phải trả	-	1.484.375
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.970.978.993	1.930.463.247
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	83.744.518	14.605.997
	<b>2.138.419.511</b>	<b>2.089.369.619</b>

**5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Quỹ thưởng ban điều hành VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	5.498.101.605	-	5.498.101.605
Trích quỹ	2.258.244.000	135.000.000	2.393.244.000
Thu khác	7.000.000	-	7.000.000
Chi bằng tiền	(3.213.183.958)	(121.500.000)	(3.334.683.958)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>4.550.161.647</b>	<b>13.500.000</b>	<b>4.563.661.647</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 5.14 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

#### 5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	(127.180.000)	8.101.580.801	12.073.610.902	70.048.011.703
Lãi trong năm	-	-	-	8.558.941.671	8.558.941.671
Trích lập các quỹ	-	-	769.012.342	(4.183.776.842)	(3.414.764.500)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	<b>50.000.000.000</b>	<b>(127.180.000)</b>	<b>8.870.593.143</b>	<b>13.948.775.731</b>	<b>72.692.188.874</b>
Tại ngày 01/01/2022	50.000.000.000	(127.180.000)	8.870.593.143	13.948.775.731	72.692.188.874
Lãi trong năm	-	-	-	12.949.011.815	12.949.011.815
Trích lập các quỹ	-	-	427.947.084	(2.821.191.084)	(2.393.244.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	<b>50.000.000.000</b>	<b>(127.180.000)</b>	<b>9.298.540.227</b>	<b>18.076.596.462</b>	<b>77.247.956.689</b>

#### 5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND  
 Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần phổ thông  
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	2.550.000	51,00
Ngô Quang Hiến	719.712	14,40
Mai Hồng Quỳ	500.000	10,00
Ngô Quang Trung	276.635	5,53
Nguyễn Hương Giang	250.000	5,00
Phan Kim Mỹ	250.000	5,00
138 cổ đông khác	453.653	9,07
	<b>5.000.000</b>	<b>100,00</b>

#### 5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

**5.14.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, chi tiết như sau:

	VND
• Chia cổ tức (tỷ lệ 12% vốn điều lệ)	6.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	427.947.084
• Trích quỹ khen thưởng	564.561.000
• Trích quỹ phúc lợi	1.693.683.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	135.000.000
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	5.127.584.647
	<b>13.948.775.731</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.795.043.274	27.333.261.008
	<b>42.795.043.274</b>	<b>27.333.261.008</b>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan: xem Thuyết minh 9.1.2.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.334.574.444	13.770.149.620
	<b>20.334.574.444</b>	<b>13.770.149.620</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.404.615.543	1.552.848.889
	<b>1.404.615.543</b>	<b>1.552.848.889</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	5.756.793.389	3.881.254.511
Chi phí khác	1.797.676.596	741.265.531
	<b>7.554.469.985</b>	<b>4.622.520.042</b>

**6.5 Thu nhập khác**

	2022 VND	2021 VND
Thu tiền nước	4.717.615	19.755.450
Thu nhập khác	39.348.636	5.973.818
	<b>44.066.251</b>	<b>25.729.268</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6.6 Chi phí khác**

	<b>2022</b> VND	<b>2021</b> VND
Tiền phạt thuế	59.068.896	-
Tiền thuê đất bổ sung của các năm trước (từ 22/01/2018 đến 31/12/2020)	-	509.005.296
Chi phí khác	1.400.000	669.241
	<b>60.468.896</b>	<b>509.674.537</b>

**6.7 Lãi trên cổ phiếu**

**6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2022</b> VND	<b>2021</b> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.949.011.815	8.558.941.671
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(3.687.660.000)	(2.393.244.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.261.351.815	6.165.697.671
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.852</b>	<b>1.233</b>

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<b>2022</b> VND	<b>2021</b> VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>

**6.7.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> VND	<b>2021</b> VND
Chi phí nhân công	19.036.967.318	12.444.197.927
Chi phí công cụ, dụng cụ	566.777.008	480.908.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.563.382.075	1.289.092.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.839.925.273	2.871.277.333
Chi phí khác	1.881.992.755	1.307.192.774
	<b>27.889.044.429</b>	<b>18.392.669.662</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	398.860.255	276.201.374

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>			
Phải trả người bán	484.978.746	-	484.978.746
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.084.674.993	-	2.084.674.993
	<b>2.569.653.739</b>	-	<b>2.569.653.739</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Phải trả người bán	5.287.904.227	-	5.287.904.227
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.133.143.619	-	2.133.143.619
	<b>7.421.047.846</b>	-	<b>7.421.047.846</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.054.674.993 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.073.279.247 VND.

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	2.318.149.354	4.027.320.743	2.318.149.354	4.027.320.743
<i>Phải thu khác</i>	398.860.255	276.201.374	398.860.255	276.201.374
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	17.000.000.000	16.500.000.000	17.000.000.000	16.500.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	23.171.162.087	22.157.569.742	23.171.162.087	22.157.569.742
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.888.171.696</b>	<b>42.961.091.859</b>	<b>42.888.171.696</b>	<b>42.961.091.859</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Phải trả người bán</i>	484.978.746	5.287.904.227	484.978.746	5.287.904.227
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	2.084.674.993	2.133.143.619	2.084.674.993	2.133.143.619
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.569.653.739</b>	<b>7.421.047.846</b>	<b>2.569.653.739</b>	<b>7.421.047.846</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thù lao, thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*

	2022 VND	2021 VND
Ông Ngô Quang Trung	73.260.000	95.483.889
Ông Nguyễn Tấn Lực (thành viên HĐQT – miễn nhiệm ngày 19/05/2021)	2.203.200	35.518.333
Ông Nguyễn Xuân Điền	48.000.000	66.078.333
Ông Trần Hiếu	155.095.700	136.266.455
Bà Lê Thúy Hằng	118.028.326	68.497.889
Bà Phan Thị Trang	50.248.800	30.560.000
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ (thành viên Ban kiểm soát – miễn nhiệm ngày 19/05/2021)	2.096.000	28.994.889
Ông Võ Văn Đức	40.140.000	51.051.667
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	42.504.000	23.120.000
	<b>531.576.026</b>	<b>535.571.455</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

*Lương của các thành viên quản lý chủ chốt*

	2022 VND	2021 VND
Ông Trần Hiếu	480.685.128	280.105.000
Bà Lê Thị Thanh Thuận	457.790.709	291.467.234
	<b>938.475.837</b>	<b>571.572.234</b>

### 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2022 VND	2021 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Chia cổ tức	3.060.000.000	6.630.000.000
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	368.833.050	275.024.927
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	147.061.607	250.989.040

*Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(78.096.000)	(78.096.000)
	Phải thu thương mại	35.149.490	20.824.087
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(5.600.000)	(64.720.000)
	Phải thu thương mại	-	112.998.507

### 9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đàu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

### 9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương” (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương”.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2022:

STT	Nội dung	Số tiền VND
1	Tư vấn thiết kế PCCC	75.900.000
2	Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	22.000.000
3	Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	143.000.000
4	Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	27.000.000
5	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	2.948.000
6	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	741.608.273
7	Tư vấn quản lý dự án	683.621.818
8	Tư vấn đấu thầu	198.098.000
9	Tư vấn khảo sát địa chất	115.665.000
10	Tư vấn khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công dự án	6.600.000
11	Tư vấn giám sát thi công	574.720.561
12	Tư vấn thẩm tra TKBVTCT và dự toán	118.615.000
13	Phí thẩm tra thiết kế và dự toán	12.954.000
14	Chi phí thi công	27.253.921.987
15	Phí bảo hiểm công trình	227.393.950
16	Photo, scan hồ sơ	44.584.100
17	Đăng báo đấu thầu	2.310.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.250.940.689</b>

Tổng chi cho dự án đến ngày báo cáo này:

VND  
30.250.940.689

Số tiền chưa sử dụng:

3.749.059.311

**Tổng cộng:**

**34.000.000.000**

Trong năm, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương” (giai đoạn 1) đã kết chuyển sang nguyên giá tài sản cố định hữu hình là 27.637.665.139 VND.

#### 9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
NGÔ THỊ PHƯƠNG HIỀN  
Người lập biểu

  
BÙI THANH TÂM  
Kế toán trưởng

  
TRẦN HIẾU  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023



Ho Chi Minh City Head Office  
2/F Indochina Park Tower,  
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,  
Dakao Ward, District 1,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : +84 28 222 00237  
Fax : +84 28 222 00265  
Email: [pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn](mailto:pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn)

Can Tho Branch  
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,  
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,  
Cai Rang District,  
Can Tho City, Vietnam  
Tel : +84 292 3827 888  
Fax : +84 292 3823 209  
Email: [pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn](mailto:pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn)

Northern Branch  
Room 707, Sunrise Building,  
No. 90 Tran Thai Tong St.,  
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,  
Ha Noi City, Vietnam  
Tel : +84 243 2002 016  
Fax : +84 243 7950 832  
Email: [pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn](mailto:pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn)

Ha Thanh Branch  
No. 44 Nguyen Cong Hoan Street,  
Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District,  
Ha Noi City, Vietnam.  
Tel : +84 243 8373 666  
Fax : +84 243 2191 538  
Email: [pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn](mailto:pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn)

[www.pkf.afcvietnam.vn](http://www.pkf.afcvietnam.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
(STP.JSC)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *LB*/STP-KTTC

Vv giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2022  
tăng 51.29% so với cùng kỳ

TP. Hồ Chí Minh, ngày *01* tháng *03* năm 2023

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn giải trình về nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế của báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 tăng 51.29% so với cùng kỳ, là do năm 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, năm 2022 dịch bệnh cơ bản được kiểm soát tốt và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh dần phục hồi sau dịch, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm 2022 đạt: 44.243.725.068 đồng tăng 53.03% so với năm 2021. Trong đó:

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 42.795.043.274 đồng tăng 56.57% so với năm 2021. Nguyên nhân: do dịch bệnh được kiểm soát, nên sản lượng xe và hành khách đều tăng kéo theo các dịch vụ phục vụ trong bến cũng tăng theo.

Thu nhập khác đạt: 44.066.251 đồng tăng: 71.27% so với cùng kỳ do: các hoạt động phục vụ hành khách dần phục hồi sau dịch, doanh thu hoạt động tài chính đạt 1,404,615,543 đồng giảm 9.54% so với năm 2021. Nguyên nhân: tiền gửi rút ra chi cho các hoạt động kinh doanh của bến.

Tổng chi phí 27.949.513.325 đồng tăng 47.86% so với năm 2021, nguyên nhân: do chi thêm cho CBCNV những khoản trong năm 2021 chưa chi và các khoản chi phí khác cũng tăng thêm

Do vậy, lợi nhuận sau thuế của báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt 12,949,011,815 đồng tăng 51.29% so với cùng kỳ.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTC(1b).T.3.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Hiếu**